



# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo quy định thông tư số 04/2012/TT-BCT

Trang 1/10

## Sabouraud Dextrose Agar với Chloramphenicol

Phiên bản 3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2021-04-22

### Phần 1. Nhận dạng hoá chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

#### 1.1 Định dạng sản phẩm

Tên sản phẩm	Sabouraud Dextrose Agar với Chloramphenicol
Số Danh Mục	NCM0068, 7306

#### 1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo	[SU3] Sử dụng trong công nghiệp: Sử dụng các chất như vậy hoặc trong các chế phẩm tại các khu công nghiệp; [PC21] Hoá chất phòng thí nghiệm; [PROC15] Dùng làm thuốc thử trong phòng thí nghiệm;
Hình thù	Chỉ dành cho phòng thí nghiệm. Chỉ sử dụng trong ống nghiệm.

#### 1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty:	Neogen Corporation
Địa chỉ nhà	620 Lesher Place Lansing MI 48912 USA
Web	www.neogen.com
Điện thoại:	517-372-9200/800-234-5333
Địa chỉ email:	SDS@neogen.com

#### 1.4 Điện thoại khẩn cấp

	24 giờ: Y tế: 1-800-498-5743 (Mỹ và Canada) hoặc 1-651-523-0318 (quốc tế) Trần/CHEMTREC: 1-800-424-9300 (Hoà Kỳ và Canada) hoặc 1-703-527-3887 (quốc tế)
--	--

#### Thông tin khác

	Sản xuất bởi: Neogen Corporation 740 East Shilohville Lansing, MI 48912 U.S.A.  Neogen Corporation 1 Quest Park-Moss Hall Road Heywood Lancashire BL97JJ UK.
--	---

### Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

#### 2.1 Sự phân loại hoá chất hoặc hỗn hợp

2.1.2. Phân loại (Quy định số GHS)	Dựa trên dữ liệu có sẵn, sản phẩm này không được phân loại là nguy hiểm.
------------------------------------	--

#### 2.2 Các yếu tố nhãn

## Sảbọurảud Dextrose Agảr wìth Chlorảmphenìcol

Phiền bản

3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gầnnhất 2021-04-22

## 2.2 Các yếu tố nhấn

Cảnh báo nguy hiệm	Không có mối nguy hiệm đáng kờ
--------------------	--------------------------------

## 2.3 Các nguy cơ khác

Các dấu hiệụ nguy hiệm khác	Bụi dễ cháy: Có thể hình thành nồng độ bụi dễ cháy trong không khí. Chứa các tài liệụ có thể có hại nếu nuốt phải. Bụi có thể gây khó chịu nếu hít phải.
-----------------------------	---

## Phần 3. Thành phần/thông tịn về các phụ liệụ

## Hình thờ

	Không có thành phần cần phải đượ tiết lộ theo các quy định hiệן hành. Nồng độ đượ liệt kê không phải là thông số kỹ thuật sản phẩm.
--	--

## Thông tịn khác

	Toàn văn Tuyên bố về mối nguy đượ liệt kê trong Phần này đượ cung cấp trong Phần 16.
--	--

## Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

## 4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Sảu khí hít phải:	Di chuyển người tiếp xúc với không khí trong lành. Nếu việc thở gặp khó khăn, hãy lấy thêm khí oxy. Nếu ngừng thở, cung cấp hô hấp nhân tạo. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại.
Sảu khí tiếp xúc với mắt	Rửa sạch ngay với nhiều nước. Kính áp tròng nên đượ loại bỏ. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại.
Trong trường hợp tiếp xúc với da	Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn. Rửa bằng xà phòng và nước. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại.
Nếu nuốt phải:	Không gây nôn trừ khi đượ trưng tấm kiểm soát chất độc hoặc bác sĩ yềụ cầu làm như vậy. Rửa miệng thật kỹ. Không bảo giữ cho bất cứ điềụ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Đượ tư vấn y tế / chú ý nếu bạn cảm thấy không khỏe.

## 4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quần trọng nhất, biệụ hiệן cấp tịn và biệụ hiệן chậm

Sảu khí hít phải:	Có thể gây kích ứng cho hệ hô hấp.
Sảu khí tiếp xúc với mắt	Có thể gây kích ứng cho mắt.
Trong trường hợp tiếp xúc với da	Có thể gây kích ứng cho da.
Nếu nuốt phải:	Ăn vào có thể gây buồn nôn và nôn.

## 4.3 Những dấu hiệụ cần sự chăm sóc y tế tức thờ và điềụ trị đặ biệt

	Loại bỏ người bị ảnh hưởng khỏi nguồn ô nhiễm ngay lập tức. Chuyển đến bệnh viện nếu có bông hoặc triệu chứng ngộ độc. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại. Nếu cần tư vấn y tế, có hộp đưng sản phẩm hoặc nhãn trong tay.
--	--

## Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa

## 5.1 Các phương tiệן chữa cháy

	Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xungquảnh.
--	---

## 5.2 Các nguy cơ đặ biệt bắt nguồn từ hoá chất và hỗn hợp

	Bụi dễ cháy: Có thể hình thành nồng độ bụi dễ cháy trong không khí. Tránh hình thành bụi. Không cho phép sản phẩm không phá loãng đượ xả vào nước ngầm, dòng nước hoặc hệ thống nước thải.
--	---

## 5.3 Lợi khuyềן dành cho lính cứu hỏa

	Không hít bụi hoặc hơi. Mặc thiết bị thở độc lập và quần áo bảo vệ hoá học.
--	---

# Sảobuảud Dextrose Agả wìth Chlorảmphenicol

Phiền bản

3

y tháng sửa đổi, bổ sung gầnnhất 2021-04-22

## Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

### 6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

Tránh hình thành bụi. Sử dụng khí thích hợp: Thiết bị bảo vệ, quần áo bảo hộ. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Tránh tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.

### 6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

Ngăn chặn sự cố tràn thêm nếu an toàn. Làm sạch khu vực tràn đầy với nhiều nước. Không xả vào nước mặt. Đùng để sản phẩm gây ô nhiễm dưới đất.

### 6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch

Tránh hình thành bụi. Làm sạch khu vực tràn đầy với nhiều nước. Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải.

### 6.4 Xem các mục khác

Xem Phần (2, 8, ảnd 13) để biết thêm thông tin.

## Phần 7. Các lưu ý khí thảo tác và lưu trữ

### 7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thảo tác an toàn với hoá chất

Áp dụng các cảnh nhắc Xử lý thủ công tốt nhất khí xử lý, màng và phả chế. Tránh tiếp xúc với mắt. Không ản, uống hoặc hút thuốc ở những khu vực sử dụng hoặc bảo quản sản phẩm này. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải. Sử dụng khí thích hợp: quần áo bảo hộ. Đọc toàn bộ nhãn và làm theo tất cả các hướng dẫn sử dụng, hạn chế và biện pháp phòng ngừa.

### 7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bảo gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

Bảo quản ở nhiệt độ giữa 2 ° C và 30 ° C. Lưu trữ trong các thùng chứa có nhãn chính xác. Giữ kín thùng chứa. Tránh ảm. Không làm ô nhiễm nước, thực phẩm hoặc thức ản bằng cách lưu trữ hoặc xử lý. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.

### 7.3 Sử dụng cụ thề

Xem Phần (1.2) để biết thêm thông tin.

### Thông tin khác

Thảm khảo nhãn sản phẩm và / hoặc gói chèn để biết thêm thông tin.

## Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

### 8.1 Các thông số kiểm soát

Không có giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp được biết đến.

### 8.2 Kiểm soát phơi nhiễm



#### 8.2.1. Các biện pháp kỹ thuật

Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ.

#### 8.2.2. Các biện pháp bảo hộ cá nhân

Sử dụng khí thích hợp: Thiết bị bảo vệ.

#### Bảo vệ mắt/mặt

Sử dụng khí thích hợp: Bảo vệ mắt/mặt.

#### Bảo vệ tay

Sử dụng khí thích hợp: Găng tay chống hoá chất làm bằng bất kỳ vật liệu chống thấm nào. Rửa bên ngoài găng tay trước khi tháo chúng ra.

## Sảoburảud Dextrose Agảr wìth Chlorảmphenìcol

Phiền bản

3

y tháng sửa đỏi, bổ sụng gầnnhất 2021-04-22

## 8.2 Kìềm soát phơi nhiễm

Thiết bị bảo hộ khác	Sử dụng khi thích hợp: quần áo bảo hộ. Rửa quần áo bị ô nhiễm, tách biệt với các loại Giặt khác, với chất tẩy rửa và nước trước khi tái sử dụng.
Bảo vệ hô hấp	Trong trường hợp thiếu gió, đeo thiết bị hô hấp thích hợp. Bụi có thể gây khó chịu nếu hít phải.
Kìềm soát phơi nhiễm nghề nghiệp	Phơi nhiễm trên giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp được đề xuất (OEL) có thể gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe. Bảo vệ quần áo khỏi tiếp xúc với sản phẩm. Cung cấp hoá chất tẩy. Cung cấp trạm rửa mắt.

## Thông tin khác

	Thăm khảo nhãn sản phẩm để biết thêm các yêu cầu và khuyến nghị PPE. Thực hiện theo các hướng dẫn nhãn.
--	---

## Phần 9. Các tính chất vật lý và hoá học

## 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học

Hình thù	Bột
Màu sắc	Be
Mùi đặc trưng	Đặc điềm
Tỷ trọng hơi tương đối	Không có thông tin
Tỷ trọng tương đối	Không có thông tin
Ngưỡng mùi	Không có thông tin
Độ pH	5.4 - 5.8
Điềm nóng chảy	Không có thông tin
Điềm đóng băng	Không có thông tin
Điềm sôi/khoảng sôi	Không có thông tin
Điềm chớp cháyoint	Không có thông tin
Tỷ lệ hoá hơi	Không có thông tin
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Combustible dust
Áp suất hoá hơi	Không có thông tin
Hệ số phân tán	Không có thông tin
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin
Độ nhớt, động lực	Không áp dụng được
Đặc tính cháy nổ	Không có thông tin
Đặc tính ôxy hoá	Không có thông tin
Tính tan trong nước	Hoà tan trong nước

## 9.2 Các dữ liệu khác

Tính dẫn	Không có thông tin
Sức căng bề mặt	Không áp dụng được
Nhóm khí	Không áp dụng được
Hàm lượng benzen	Không có thông tin
Nội dụng dẫn đầu	Không có thông tin
VOC (Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi)	Không có thông tin

## Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

## 10.1 Khả năng phản ứng

	Ổn định trong điều kiện bình thường.
--	--------------------------------------

## 10.2 Tính ổn định hoá học

## Sảoburảud Dextrose Agảr wìth Chlorảmphenìcol

Phiền bản

3

y tháng sửa đổi, bổ sung gầnnhất 2021-04-22

## 10.2 Tính ổn định hoá học

Ổn định trong điều kiện bình thường.

## 10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

Trong các điều kiện quy định, các phản ứng nguy hiểm dẫn đến nhiệt độ hoặc áp suất quá mức không được mong đợi.

## 10.4 Các điều kiện cần tránh

Tránh hình thành bụi. Tránh tia lửa, ngọn lửa, nhiệt và nguồn đánh lửa. Tránh ẩm.

## 10.5 Các vật liệu xung khắc

Vật liệu dễ cháy.

## 10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

Ôxít carbon.

## Phần 11. Thông tin độc học

## 11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

<b>Ngộ độc cấp tính</b>	Dựa trên dữ liệu có sẵn, các triệu chứng cấp tính không được đáp ứng.
<b>Ăn mòn / kích ứng da</b>	Có thể gây kích ứng cho da.
<b>Tổn thương / kích ứng mắt nghiêm trọng</b>	Có thể gây kích ứng cho mắt.
<b>Nhạy cảm</b>	Có thể gây ra phản ứng dị ứng ở những người nhạy cảm.
<b>Biến đổi tế bào gốc</b>	Không có tác dụng gây đột biến được báo cáo.
<b>Độc tính gây ung thư</b>	Không có thành phần lớn hơn 0,01% được liệt kê trong hội nghị Hoả Hygienists của chính phủ công nghiệp (ACGIH) hướng dẫn về các giá trị phơi nhiễm nghề nghiệp. Được liệt kê bởi Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Quốc tế (IARC) dưới dạng Nhóm 2A: Có thể gây ung thư cho người, [Chlorảmphenìcol, CAS No. 56-75-7 (<0.1%)]. Được liệt kê trong Báo cáo về Chương trình Chất độc Quốc gia (NTP) về Chất gây ung thư là hợp lý dự đoán là một chất gây ung thư của con người, [Chlorảmphenìcol, CAS No. 56-75-7 (<0.1%)]. Không được liệt kê trong tiêu chuẩn OSHA 1910.1003 Chất gây ung thư.
<b>Độc tính đối với sinh sản</b>	Không có tác dụng gây quái thai báo cáo.
<b>Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể -phơi nhiễm đơn lẻ</b>	Có thể gây ra dị ứng hoặc hen suyễn hoặc các triệu chứng khó thở nếu hít.
<b>Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần</b>	Không có mối nguy hiểm đáng kể.
<b>Nguy cơ hô hấp</b>	Không có mối nguy hiểm đáng kể.
<b>Tiếp xúc nhiều lần hoặc kéo dài</b>	Tránh tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại. Sự xuất hiện chậm trễ của các triệu chứng dị ứng và phát triển quá muộn cảm (khó thở, ho, hen suyễn) là có thể.

## 11.1.2. Hỗn hợp

Xem Phần (3) để biết thêm thông tin.

## 11.1.3. Thông tin nguy hiểm

Xem Phần (2 và 3) để biết thêm thông tin.

## 11.1.4. Thông tin độc tính

Không có thông tin

## 11.1.5. Nhóm sự cố

# Sảoburảud Dextrose Agảr wìth Chlorảmphenìcol

Phiền bản

3

y tháng sửa đổi, bổ sung gầnnhất 2021-04-22

## 11.1.5. Nhóm sự cố

Xem Phần (2 ảnd 14) đề biết thêm thông tịn.

## 11.1.6. Tịệu chí phần loại

Dựả trên các cần nhắc củả Hệ thống hải hoà toàn cầu (GHS) đề phần loại hỗn hợp. Xem Phần 15 đề trích dẫn quy định.

## 11.1.7. Thông tịn về các tuyến đường có khả năng bị phơi nhiễm

Sảu khì tiếp xúc với mắt. Trong trường hợp tiếp xúc với dả. Sảu khì hít phải:. Nếu nuốt phải:.

## 11.1.8. Các triệu chứng liện quỏn đến các đặc tính vật lý, hoá học và độc tính

Xem Phần (4.2) đề biết thêm thông tịn.

## 11.1.9. Các tác dụng bị trì hoãn và ngỏy lập tức cũng như các tác động mản tính do phơi nhiễm ngắn hạn và dài hạn

Xem Phần (4.2) đề biết thêm thông tịn.

## 11.1.10. Hiệu ứng tương tác

Không có thông tịn.

## 11.1.11. Thiếủ dữ liệu cụ thề

<1% hỗn hợp này bảo gồm các thành phần độc tính cấp tính chưa biết.

## 11.1.12. Hỗn hợp so với thông tịn chất

Xem Phần (3) đề biết thêm thông tịn.

## 11.1.13. Thông tịn khác

Không có thông tịn.

## Phần 12. Thông tịn sinh thái học

### 12.1 Độc tính

Không có thông tịn

### 12.2 Tính bền vững và phần hủy

Không có thông tịn.

### 12.3 Tịềm năng tích lũy sinh học

Không có thông tịn.

### 12.4 Tính biến đổi trong đất

Không có thông tịn.

### 12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Không có thông tịn.

### 12.6 Các ảnh hưởng có hại khác

Dữ liệu thử nghiệm cụ thề cho các chất hoặc hỗn hợp không có sẵn.

### Thông tịn khác

Tránh xả hồ, ảo, hoặc sủối.

## Phần 13. Các lự ý về tịệu hủy

### 13.1. Các phương pháp xử lý chất thải

Vứt bỏ tữn thủ tất cả quy định củả địa phương và quốc giả. Làm theo hướng dẫn trên nhản.

### Phương pháp xử lý

## Sảoburảud Dextrose Agả wìth Chlorảmphenicol

Phiền bản

3

y tháng sửa đổi, bổ sung gầnnhất 2021-04-22

<b>Phương pháp xử lý</b>	
	Không làm nhiệm bản nước bằng cách làm sạch thiệt bị hoặc xử lý chất thải. Không xả vào nước mặt. Vứt bỏ tuấn thủ tất cả quy định của địa phương và quốc gia.
<b>Xử lý bảo bì</b>	
	Container không thề đổ. Không tái sử dụng đồ chứa này. Lưu trữ trong hộp kín bản đầu cách xả thực phẩm hoặc thức ản.
<b>Thông tịn khác</b>	
	Thảmh khảo nhản sản phẩm và / hoặc gói chèn đề biếth thềmh thông tịn. Làm theo hướng dẫn trên nhản.
<b>Phần 14. Thông tịn vận chuyền</b>	
<b>14.1 Số UN</b>	
	Sản phẩm không được phản loại là nguy hiềmh cho vận chuyền.
<b>14.2 Tên vận chuyền thích hợp</b>	
	Sản phẩm không được phản loại là nguy hiềmh cho vận chuyền.
<b>14.3 Hạng</b>	
	Sản phẩm không được phản loại là nguy hiềmh cho vận chuyền.
<b>14.4 Nhóm đóng gói</b>	
	Sản phẩm không được phản loại là nguy hiềmh cho vận chuyền.
<b>14.5 môi trường độc hại</b>	
	Sản phẩm không được phản loại là nguy hiềmh cho vận chuyền.
<b>14.6 Khuyến cáo đặc biếth cho người sử dụng</b>	
	Sản phẩm không được phản loại là nguy hiềmh cho vận chuyền.
<b>14.7 Vận chuyền khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC</b>	
	Sản phẩm không được phản loại là nguy hiềmh cho vận chuyền.
<b>Phần 15. Thông tịn pháp luật</b>	
<b>15.1 Các quy định/luật pháp về ản toàn, sức khỏe và môi trường cụ thề đối với chất và hỗn hợp</b>	
<b>Quy định</b>	Thông tư số 04/2012/TT-BCT.
<b>Dảnh mục hóa chất / Dảnh sách pháib biếth:</b>	- Quốc tế--. Cộng ước Bảsel (Chất thải nguy hại): Không áp dụng được. Cộng ước vũ khí hóa học (OPCW): Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố. Khí nhà kính Nghị định thư Kyoto: Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố. Thỏa thuận Mercosur: Áp dụng. Nghị định thư Montreal: Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố. Cộng ước Rotterdam: Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố. Cộng ước Stockholm: Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.  --Asiả và các quốc gia ASEAN--. Dảnh mục hóa chất độc hại (Trung Quốc): Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.

# Sản phẩm Dextrose Agair với Chloramphenicol

Phiên bản

3

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2021-04-22

## 15.1 Các quy định/lệnh pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

Quy định của Bộ trưởng Bộ Thương mại Cộng hòa Indonesia, Số 75, Năm 2014, về Sửa đổi thứ hai của Bộ trưởng Bộ Thương mại, Số 44, Năm 2009, về Củng cố, Phối hợp và Kiểm soát các Chất độc hại: Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.

Lệnh kiểm soát ô nhiễm không khí (Nhật bản): Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.

Lệnh kiểm soát các chất hóa học (Nhật Bản): Phát hành môi trường loại II, [Chloramphenicol, CAS No. 56-75-7 (<0.1%)].

Đạo luật về an toàn và sức khỏe công nghiệp, các chất nguy hiểm (Nhật Bản): Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.

Đạo luật về chất độc và độc hại (Nhật Bản): Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.

Đạo luật đối phó ô nhiễm đất (Nhật bản): Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.

Lệnh kiểm soát ô nhiễm nước (Nhật bản): Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.

Các chất hóa học được phép (Hàn Quốc): Chất kiểm soát ưu tiên, [Annex II-8, Chloramphenicol, CAS No. 56-75-7 (<0.1%)].

Các chất bị hạn chế hoặc bị cấm (Hàn Quốc): Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.

Sử dụng và các tiêu chuẩn tiếp xúc với hóa chất có hại cho sức khỏe (USECHH), Quy định 2000 (Malaysia): Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.

Kiểm kê hóa chất và hóa chất của Philippines (PICCS): Các chất độc hại và Đạo luật kiểm soát chất thải hạt nhân nguy hiểm và hạt nhân (RA6969):, Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn., Không hạn chế.

Đạo luật kiểm soát các chất hóa học và chất độc có liên quan đến Đài Loan (TCCSCA): Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.

Đạo luật về các chất độc hại (Thái Lan): Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.

Lệnh Hóa chất (Việt Nam): Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.

--Úc và New Zealand--.

Mã hàng nguy hiểm của Úc: Không áp dụng được.

Kiểm kê các chất hóa học (AICS) của Úc: Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn., Không hạn chế.

Tồn kho hóa chất New Zealand (NZIoC): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn., Không hạn chế.

- Liên minh châu Âu (EU) và Vương quốc Anh (Anh) -.

Danh sách ủy quyền (Phụ lục XIV của REACH): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.

Phụ lục XVII cho REACH: Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố, Không hạn chế.

Điều 95 của Quy định về Sản phẩm Biocidal (BPR): Không áp dụng được.

--Bắc Mỹ--.

Danh sách các chất trong nước / ngoài nước (DSL / NDSL): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn., Không hạn chế.

Đạo luật kiểm soát các chất độc hại (TSCA): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn.

Danh sách các chất độc hại cần biết của Massachusetts: Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.

Đạo luật Quyền được biết của Công nhân và Cộng đồng New Jersey: Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.



## Sảoburảud Dextrose Agảr wìth Chlorảmphenìcol

Phiền bản

3

y tháng sửa đỏi, bổ sung gầnnhất 2021-04-22

## 15.1 Các quy định/lựat pháp về ản toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đỏi với chất và hỗn hợp

	<p>Quyền đượ biết của Pennsylvania: Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo đượ công bố.</p> <p>Lựat chung về quyền đượ biết của Rhode Islảnd: Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo đượ công bố.</p> <p>Dự lựat 65 của California: Sản phẩm này không chứa chất reportable tại &gt; 0,0001% nồng độ.</p>
--	---

## Phần 16. Các thông tịn khác

## Các thông tịn khác

Phiền bản	<p>Tài liệu này khác với phiên bản trước trong các lĩnh vực sau:.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1 - Các sử dụng đã đượ xác định và khuyến cáo.</li> <li>2 - Các dấu hiệu nguy hiệem khác.</li> <li>5 - 5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hoá chất và hỗn hợp.</li> <li>7 - 7.2 Các đìều kiện lựu giữ ản toàn, bảo gồm cả bất kỳ đìều kiện xung khác nào.</li> <li>9 - 9.1 Thông tịn cơ bản về các đặc tình vật lý và hoá học (Đìềm chớp cháy/ont).</li> <li>9 - 9.1 Thông tịn cơ bản về các đặc tình vật lý và hoá học (Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)).</li> <li>9 - 9.1 Thông tịn cơ bản về các đặc tình vật lý và hoá học (Nhiệt độ tự bốc cháy).</li> <li>9 - 9.1 Thông tịn cơ bản về các đặc tình vật lý và hoá học (Đặc tình cháy nổ).</li> <li>9 - 9.1 Thông tịn cơ bản về các đặc tình vật lý và hoá học (Đặc tình ôxy hoá).</li> <li>9 - 9.1 Thông tịn cơ bản về các đặc tình vật lý và hoá học (Áp suất hoá hơi).</li> <li>9 - 9.1 Thông tịn cơ bản về các đặc tình vật lý và hoá học (Độ nhớt, độn lực).</li> <li>9 - 9.1 Thông tịn cơ bản về các đặc tình vật lý và hoá học (Tỷ trọng hơi tương đỏi).</li> <li>9 - 9.1 Thông tịn cơ bản về các đặc tình vật lý và hoá học (Độ hoà tan chất béo).</li> <li>9 - 9.1 Thông tịn cơ bản về các đặc tình vật lý và hoá học (Tình tan trong nước).</li> <li>9 - 9.1 Thông tịn cơ bản về các đặc tình vật lý và hoá học (Ngưỡng mùi).</li> <li>9 - 9.2 Các dữ liệu khác (Sức căng bề mặt).</li> <li>10 - 10.4 Các đìều kiện cần tránh.</li> <li>10 - 10.5 Các vật liệu xung khác.</li> <li>11 - Độc tình gây ụng thư.</li> <li>15 - Dảnh mục hoá chất / Dảnh sách phải biết:.</li> </ol>
Chú thích đỏi với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu ản toàn	<p>ADR / RID: Các thỏả thuận chấu Âu liền quản đén vận chuyền hàng hoá nguy hiệem quốc tế bằng đường sắt (RID) và bằng đường bộ (ADR).</p> <p>CAS số: Dịch vụ tóm tắt hoá học.</p> <p>LÓP: Bảng phản loại, ghi nhản và dữ liệu ản toàn của quy định về hoá chất độc hại 2013 (Mảlaysia).</p> <p>FIFRA: Đạo lựat diệt côn trùng, diệt nấm và diệt chuyột liền bảng Hoả Kỳ.</p> <p>GHS: Hệ thống hải hoà toàn cầu.</p> <p>HCS 2012: Tìều chẩn truyền thông nguy hiệem của Hoả Kỳ (sửa đỏi năm 2012).</p> <p>IATA: Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế.</p> <p>ICAO: Tổ chức hàng không dẫn dụng quốc tế.</p> <p>IMDG: Hàng hoá nguy hiệem hàng hải quốc tế.</p> <p>LD: Liệu gây tử vong.</p> <p>OEL: Giớ hạn phơi niệem nghề nghiệp.</p> <p>OSHA: Cơ quản quản lý sức khỏe và ản toàn lao độn Hoả Kỳ.</p> <p>PEL: Giớ hạn phơi niệem cho phép.</p> <p>REACH: Đảng ký, Đảnh giá, Ủy quyền và Hạn chế Hoả chất.</p> <p>STOT: Độc tình của cơ quản đìch cụ thể.</p> <p>SVHC: Chất gây lo ngại rất cáo.</p> <p>DOT Hoả Kỳ: Bộ Giỏo thông Vận tải Hoả Kỳ.</p> <p>VOC: Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi.</p> <p>WEL: Giớ hạn tiếp xúc nơi làm việc.</p>

# Sảoburảud Dextrose Agảr wìth Chlorảmphenìcol

Phiền bản

3

y tháng sửa đổi, bổ sung gầnnhất 2021-04-22

## Thông tịn khác

**TUYÊN BỐ TỪ CHỐI:** Các thông tịn và khuyến nghị được nêu trong tài liệu này ("Thông tịn") được trình bày với thiện chí và được cho là chính xác kể từ ngày bản hành. Không có đại diện nào được thực hiện liên quản đến tính đầy đủ hoặc chính xác của Thông tịn. Hơn nữa, do có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng sản phẩm này, Thông tịn được cung cấp với điều kiện người đó nhận được sẽ tự quyết định về sự phù hợp của mình cho mục đích dự nhất của họ, trước khi sử dụng .

Trừ khi được quy định rõ ràng trong tài liệu này, **KHÔNG CÓ ĐẢM BẢO, BẢO ĐẢM, HOẶC ĐẠI DIỆN CỦA BẤT K K LOẠI NÀO, ĐẠI DIỆN HOẶC ĐẠI DIỆN CỦA BẤT K K LOẠI NÀO, R EX RÀNG HOẶC ĐẠI DIỆN ĐƯỢC GIẢI QUYẾT B USNG VIỆC SỬ DỤNG SẢN PHẨM NÀY** được thực hiện đối với sản phẩm này hoặc sử dụng sản phẩm này. Sản phẩm được bảo hìem được trang bị "nguyên trạng" và chỉ tuân theo các bảo hành được cung cấp ở đây, không có trách nhiệm pháp lý nào xảy ra do việc sử dụng sản phẩm này.